

## BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

**Tháng: 3 (Đợt 2)**

**1. Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cầu Sơn – Cẩm Sơn, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

**2. Ngày quan trắc:** 16 – 17/03/2020

**Ngày cung cấp TT:** 17/03/2020

**3. Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	3	Cống điều tiết Kè Sơn	Cống mở
2	4	Cống Quang Hiến	Cống mở
3	5	Cống điều tiết Đào Mỹ (đầu cống điều tiết Hòa Mỹ)	Cống mở
4	7	Cống Tô Rồng (đầu kênh Giữa)	Cống mở
5	8	Cống Kè Hoàn	Cống mở
6	9	Cống Hà Vàng	Cống mở 2 cửa
7	10	Cống Thái Đào	Cống mở 1 cửa
8	15	Trạm bơm Bảo Sơn (đầu kênh Bảo Sơn)	Cống đóng

**4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 15 vị trí

**5. Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

**Người cung cấp thông tin:** ThS. Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

**6. Đơn vị nhận thông tin:** Tổng cục Thủy lợi, Công ty TNHHMTV Thủy lợi Bắc Sông Thương, Chi cục Thủy lợi Bắc Giang.

## KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

### Bảng tóm tắt:

**Căn cứ theo các quy chuẩn:** QCVN 08:2015 nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Cống Cẩm Sơn, Sông Thương tại Hữu Lũng, Công điều tiết Kè Sơn, Công Quang Hiến, Công điều tiết Đào Mỹ, Kênh Tây tại TL 295, Công Tô Rồng, Công Kè Hoàn, Công Hà Vang, Kênh G52, Cầu Quật.**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: **Các điểm đạt giới hạn trên, Công Thái Đào, Kênh Hà Phú.**

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các điểm đạt giới hạn trên, Kênh Y22.**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Dùng cho giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp: **Các điểm đạt giới hạn trên, Trạm bơm Bảo Sơn.**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên: **Không có điểm nào.**

### Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni <sub>N</sub> (mg/l)	Nitrat <sub>N</sub> (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<b>QCVN 08:2015 A1</b>				6 – 8.5		6		0.3	2		
<b>QCVN 08:2015 A2</b>				6 – 8.5		5		0.3	5		
<b>QCVN 08:2015 B1</b>				5.5 – 9		4		0.9	10		
<b>QCVN 08:2015 B2</b>				5.5 – 9		2		0.9	15		
1	Cống Cẩm Sơn (hạ lưu hồ Cẩm Sơn)	Kiểm tra chất lượng nước hạ lưu hồ Cẩm Sơn.	Trời nhiều mây, âm u, t° = 23°C, độ ẩm 96%, gió Đông 10 km/h, mật độ mây 100%.  Dòng chảy trung bình.	7.15	2.3	7.8	0.1	0.031	0.653	147	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Đủ điều kiện bảo tồn động,</b>

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni _N (mg/l)	Nitrat _N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
			Nước trong xanh.								<b>thực vật thủy sinh.</b>
2	Sông Thương tại Hữu Lũng	Chất lượng nước trên dòng chính sông Thương, sau nhập lưu nguồn từ hồ Cẩm Sơn chảy vào.	Trời mưa nhỏ, t° = 23°C, độ ẩm 96%, gió Đông 10 km/h, mật độ mây 100%.  Dòng chảy nhanh. Nước trong xanh.	7.18	3.2	7.95	0.1	0.039	0.666	160	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.  Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
3	Cống điều tiết Kè Sơn	Cống điều tiết đầu nguồn cấp nước cho hệ thống thủy lợi Cầu Sơn.	Trời mưa nhỏ, t° = 24°C, độ ẩm 95%, gió NĐN 11 km/h, mật độ mây 100%.  Dòng chảy trung bình. Nước trong xanh.	7.5	1.9	7.36	0.2	0.039	1.301	287	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.  Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
4	Cống Quang Hiến	Cống điều tiết phân cấp nước cho hệ thống kênh giữa và kênh Tây.	Trời mưa phùn, t° = 23°C, độ ẩm 95%, gió ĐDB 6 km/h, mật độ mây 99%.  Dòng chảy trung bình. Nước trong xanh.	7.38	2.3	7.41	0.2	0.047	1.334	268	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.  Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
5	Cống điều tiết	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh Tây,	Trời mưa phùn, t° = 25°C, độ ẩm 96%, gió	7.39	4.5	6.5	0.2	0.078	1.490	277	<b>Đủ điều kiện</b>

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Khuyến cáo sử dụng	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni -N (mg/l)	Nitrat -N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2015 A1</i>				6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>				6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>				5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>				5.5 – 9		2		0.9	15		
	Đào Mỹ (đầu cống điều tiết Hòa Mỹ)	thuộc xã Đào Mỹ, Lạng Giang, Bắc Giang.	NĐN 6 km/h, mật độ mây 99%.  Dòng chảy trung bình, mực nước cao. Nước màu xanh lục.								<b>Dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
6	Kênh Tây tại TL 295	Kiểm tra chất lượng nước cuối kênh Tây.	Trời mưa phùn, t° = 25°C, độ ẩm 96%, gió NĐN 6 km/h, mật độ mây 99%.  Dòng chảy trung bình, mực nước cao. Dưới kênh nhiều rác thải. Nước màu xanh lục.	7.31	4.5	6.1	0.2	0.117	1.607	283	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
7	Cống Tô Ròng (đầu kênh Giữa)	Kiểm tra chất lượng nước đầu kênh Giữa.	Trời mưa nhỏ, t° = 24°C, độ ẩm 95%, gió NĐN 11 km/h, mật độ mây 100%.  Dòng chảy trung bình, mực nước cao. Nước xanh trong.	7.32	3.1	6.7	0.2	0.047	1.589	289	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
8	Cống Kè Hoành	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh giữa tại cống Kè Hoành.	Trời mưa phùn, t° = 24°C, độ ẩm 97%, gió ĐN 6 km/h, mật độ mây 100%.  Dòng chảy trung bình,	7.37	3	6.6	0.2	0.070	1.469	280	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Đủ điều kiện</b>

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni -N (mg/l)	Nitrat -N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
			mực nước cao. Nước trong xanh.								<b>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
9	Cống Hà Vang	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh giữa tại cống Hà Vang.	Trời mưa phùn, t° = 24°C, độ ẩm 97%, gió ĐN 6 km/h, mật độ mây 100%.  Dòng chảy trung bình. Dưới kênh nhiều rác. Nước màu xanh.	7.36	3.2	6.4	0.2	0.093	1.859	286	<b>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
10	Cống Thái Đào	Kiểm tra chất lượng nước cuối kênh giữa tại cống Thái Đào.	Trời mưa nhỏ, t° = 24°C, độ ẩm 99%, gió NĐN 13 km/h, mật độ mây 100%.  Dòng chảy trung bình. Hai bên bờ kênh có nhiều rác. Nước màu xanh.	7.26	3.6	6.24	0.2	0.140	2.138	290	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.  Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
11	Kênh G52 (cuối kênh)	Kiểm tra chất lượng nước cuối kênh G52.	Trời mưa nhỏ, t° = 24°C, độ ẩm 99%, gió NĐN 13 km/h, mật độ mây 100%.  Dòng chảy chậm, mực nước cao. Nước màu xanh.	7.25	4.1	6.2	0.2	0.155	1.618	284	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.  Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni _N (mg/l)	Nitrat _N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>				6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>				6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>				5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>				5.5 – 9		2		0.9	15		
12	Cầu Quạt (đầu kênh Yên Lại)	Kiểm tra chất lượng nước đầu kênh Yên Lại.	Trời mưa phùn, t° = 24°C, độ ẩm 95%, gió NĐN 12 km/h, mật độ mây 100%.  Dòng chảy trung bình, mực nước cao. Nước xanh trong.	7.29	2.4	6.5	0.2	0.054	1.564	296	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
13	Kênh Hà Phú	Kiểm tra chất lượng nước đầu kênh Hà Phú.	Trời nhiều mây, âm u, t° = 24°C, độ ẩm 95%, gió NĐN 12 km/h, mật độ mây 100%.  Dòng chảy rất chậm, mực nước thấp. Có nhiều rác trôi trên kênh. Nước màu xanh lục.	7.29	4.5	5.6	0.2	0.186	1.701	295	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
14	Kênh Y22 (cuối kênh)	Kiểm tra chất lượng nước cuối kênh Y22.	Trời nhiều mây, âm u, t° = 24°C, độ ẩm 99%, gió NĐN 13 km/h, mật độ mây 100%.  Dòng chảy chậm. Có nhiều rác thải dưới kênh. Nước màu xanh lục.	7.16	3.1	4.5	0.2	0.210	1.627	295	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
15	Trạm bơm Bảo Sơn (đầu)	Kiểm tra chất lượng nước đầu kênh Bảo Sơn.	Trời mưa nhỏ, t° = 24°C, độ ẩm 95%, gió NĐN 11 km/h, mật độ mây 100%.	7.03	3.7	<b>3.51</b>	0.2	0.062	0.878	286	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới,</b>

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Khuyến cáo sử dụng	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni _N (mg/l)	Nitrat _N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
	kênh Bảo Sơn)		Không có dòng chảy. Trên mặt nước trôi nổi nhiều lá cây. Nước màu xanh.								<b>tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>

*Ghi chú:*

**QCVN 08:2015 A1:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

**QCVN 08:2015 A2:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

**QCVN 08:2015 B1:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

**QCVN 08:2015 B2:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2020

**ĐƠN VỊ QUAN TRẮC**